TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/**2022/DS-ST
Ngày: 31 -3-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

2. Ông Lâm Tấn Đạt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U M T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị S, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, xã T B, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn L,(N) sinh năm 1993 (vắng mặt).

Bà Trương Thị P, sinh năm 1994 (vợ ông N - vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V H, huyện U M T,Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị S – Chủ hộ kinh doanh trại hòm TÁM ƠN I,II trình bày:

Vào ngày 26/3/2020 ông Lâm Văn L (N) là chủ trại hòm 10 Đen - Thanh L có đặt mua 06 cái hòm, với tổng số tiền là 26.800.000 đồng. Ông L trả được số tiền 2.000.000 đồng, số còn lại 24.800.000 đồng hai bên thỏa thuận trong tháng tức là ngày 26/4/2020 ông L sẽ trả đủ cho tôi. Nhưng đến hẹn ông L không thực hiện theo thỏa thuận, tôi nhiều lần đến nhà để đòi nợ, ông L và bà P cứ lần lượt hứa hẹn, nhưng đến nay vẫn không thanh toán.

Do bức xúc vợ chồng ông L, bà P không thực hiện như lời đã hứa, nên tôi có nhờ chính quyền địa phương giải quyết. ngày 31/7/2020 tổ hòa giải ấp V, xã V H có mở phiên hòa giải, tại buổi hòa giải ông L có thừa nhận nợ của tôi là 24.800.000 đồng và tự tay viết tờ cam kết xin trả nợ cho tôi với hình thức trả 02 lần:

+ Lần 1 vào ngày 15/8/2020 trả số tiền 10.000.000 đồng.

+ Lần 2 vào ngày 07/9/2020 trả số tiền 14.800.000 đồng là dứt nợ. Nhưng đến nay ôn g L không thực hiện.

Nay tôi yêu cầu ông L và vợ là bà P trả cho tôi số tiền 24.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10/3/2021 của bị đơn ông Lâm Văn L, bà Trương Thị P (vợ ông L) trình bày:

Vợ chồng ông L, bà P thừa nhận vào ngày 26/3/2020 có đến cơ sở trại hòm TÁM ƠN II do bà Dương Thị S làm chủ, để mua nợ 06 cái hòm với giá 26.800.000 đồng. Ông N, bà P trả cho bà Sáu được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ bà Sáu 24.800.000 đồng. Vợ chồng ông L, bà P đồng ý trả cho bà Sáu số tiền còn nợ là 24.800.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn L (N) và vợ bà Trương Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông L, bà P.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Dương Thị S yêu cầu bị đơn ông Lâm văn L, bà Trần Thị P trả tiền mua 06 cái hòm còn thiếu là 24.800.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp

đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U M T.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2021 của vợ chồng ông L, bà P thừa nhận ngày 26/3/2020 có đến cơ sở trại hòm TÁM ƠN II do bà Dương Thị S làm chủ, để mua nợ 06 cái hòm với giá 26.800.000 đồng đã trả cho bà Sáu được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ bà Sáu 24.800.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông L, bà P xin trả dần cho bà Sáu mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng phía nguyên đơn bà Sáu không đồng ý. Xét thấy về số nợ hai bên đã thống nhất nghĩ nên ghi nhận, hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ. Bị đơn xin trả dần nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán – HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,71 BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo đúng quy định tại Điều 72 BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền mua hòm còn thiếu 24.800.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lâm Văn L, bà Trần Thị P phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Bà Dương Thị S không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho bà S số tiền 620.000 đồng theo lai thu số 0000571 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều

11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị S – chủ hộ kinh doanh trại hòm TÁM ƠN I, II đối với bị đơn ông Lâm Văn L (N) và vợ bà Trương Thị P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Lâm Văn L (N) và vợ bà Trương Thị P trả cho bà Dương Thị S – Chủ hộ kinh doanh trại hòm TÁM ƠN I, II số tiền 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Lâm Văn L (N) và vợ bà Trương Thị P không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lâm Văn L (N) và vợ bà Trương Thị P nộp án phí giá ngạch số tiền: 24.800.000 đồng x 5% = 1.240.000 đồng (Một triệu hai trăm bốn chục ngàn đồng).

Bà Dương Thị S không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Dương Thị S số tiền 620.000 đồng theo lai thu số 0000571 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi